

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02 /XN-UBND

Quảng Ngãi, ngày 17 tháng 4 năm 2018

BẢN XÁC NHẬN

**Khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và
kế hoạch khai thác thu hồi đất sét dư thừa trong diện tích dự án
Cải tạo xứ đồng Suối Cát, thôn Bàn Thới, xã Hành Thiện,
huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi**

TT CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
ĐẾN	Số: 3209
	Ngày: 17.14.18
	Chuyên:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Xét đề nghị của Nhà máy gạch Tuynel Phú Điền II - Chi nhánh Công ty TNHH Phú Điền tại Đơn đề nghị thu hồi thu hồi đất sét dư thừa và Bản đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác thu hồi đất sét dư thừa trong diện tích dự án cải tạo xứ đồng Suối Cát, thôn Bàn Thới, xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành số 10/ĐN-PĐ ngày 20/3/2018; đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 1517/STNMT-KS ngày 12/4/2018,

XÁC NHẬN:

Khu vực công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác thu hồi đất sét dư thừa trong diện tích dự án Cải tạo xứ đồng Suối Cát, thôn Bàn Thới, xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi như sau:

1. Khu vực khai thác có diện tích 16,21 ha được giới hạn bởi các điểm khép góc có tọa độ nêu tại Phụ lục kèm theo.

2. Khối lượng đất sét đăng ký thu hồi: 66.144m³; trong đó:

- Đất sét có khả năng làm gạch: 26.328m³.

- Đất sét không có khả năng làm gạch: là 39.816m³.

3. Công suất được phép thu hồi đất sét làm gạch, ngói: 66.144m³/năm;

4. Mức sâu khai thác thu hồi: Đền cao trình +10,20m (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108⁰; múi chiếu 3⁰);

5. Kế hoạch khai thác: 18 tháng, kể từ ngày Bản xác nhận này có hiệu lực.

6. Thiết bị khai thác, thu hồi khoáng sản:

TT	Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Máy đào có dung tích gàu: 1,2 m ³	02 máy	
2	Máy ủi D5, D4, D3	03 máy	

7. Thời gian đăng ký khai thác: 18 tháng, kể từ ngày Bản xác nhận này có hiệu lực.

Nhà máy gạch Tuynel Phú Điền II - Chi nhánh Công ty TNHH Phú Điền có trách nhiệm thực hiện đúng khu vực đăng ký, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác và thực hiện các nghĩa vụ tài chính liên quan theo quy định; thực hiện kê khai nộp thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành./.

Nơi nhận:

- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- UBND huyện Nghĩa Hành;
- UBND xã Hành Thiện;
- Công ty TNHH Phú Điền;
- Nhà máy gạch Tuynel Phú Điền II;
- VPUB: CVP, PCVP (NL), CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN (Vũ 194).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH



Nguyễn Tăng Bình

Phụ lục

RA MẶT TỌA ĐỘ KHU VỰC ĐĂNG KÝ KHAI THÁC
được cấp nhận số 02 /XN-UBND ngày 17/4/2018
Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi



Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực 108 ⁰ ; múi chiều 3 ⁰)	
	X(m)	Y(m)
R1	1654150.16	584104.71
R2	1654240.87	584138.33
R3	1654249.56	584117.32
R4	1654355.36	584129.39
R5	1654442.34	584140.80
R6	1654482.44	583968.95
R7	1654425.43	583955.17
R8	1654443.16	583866.13
R9	1654485.79	583874.29
R10	1654575.10	583918.81
R11	1654569.03	583951.99
R12	1654600.72	583959.73
R13	1654593.92	583995.43
R14	1654619.76	584003.05
R15	1654610.26	584035.11
R16	1654638.38	584046.66
R17	1654670.67	583975.17
R18	1654718.64	583836.22
R19	1654575.83	583667.32
R20	1654523.55	583671.28
R21	1654506.75	583725.09
R22	1654387.52	583693.62
R23	1654312.52	583674.88
R24	1654312.97	583635.71
R25	1654288.00	583632.51
R26	1654246.86	583879.87
Diện tích 16,21 ha		